



Chất lượng tạo nên sự khác biệt

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

Trụ sở chính: Số 23 phố Đỗ Quang - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: 04. 6251 0008 - Fax: 04. 6251 1327

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoantaichinh.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

S.D.K

M.S.T

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kiểm toán	3 – 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
-	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	09 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam ("Công ty"), chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hoà, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100367361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 30/08/2010. Theo đó:

Trụ sở chính: Số 352 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: **550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng);**

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty như sau :

STT	Tên	Địa chỉ
1	Công ty CP Cà phê An Giang	Đường 4 KCN Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Lâm Đồng	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
3	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Quảng Trị	Thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị
4	Công ty TNHH MTV cao su Thái Hòa Lào	Banr Đông NaSan, huyện Noong, tỉnh SaVaNaKhet.
5	Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Xóm Hưng Bắc, Tây Hiếu, TX Thái Hoà, tỉnh Nghệ An
6	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Sơn La	Xã Chiềng Mung - Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La
7	Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị
8	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Hòa Bình	Xóm Xê 3, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình
9	Công ty Cổ phần Thái Hòa Hồ Chí Minh	Tầng 12 - Tòa nhà Gilimex - 24C Phan Đăng Lưu - Phường 6
10	Công ty Cổ phần Thái Hoà Buôn Ma Thuột	153 Nguyễn Chí Thanh, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Daklak
11	Công ty Cổ phần Thái Hòa Mường Ảng	Khối 7 - TT Mường Ảng - Mường Ảng - Điện Biên
12	Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hoà Lào	Bản Vật Luồng, huyện Paksong, tỉnh Chămpasak, Lào

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn An	Chủ tịch	
Ông Lương Đức Loan	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16/05/2012
Bà Ngô Thị Hạnh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16/05/2012
Ông Lê Quang Đạo	Thành viên	Từ nhiệm ngày 16/05/2012
Ông Vũ Lê Ban	Thành viên	Bầu ngày 16/05/2012
Bà Hà Thị Kim Thoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên	Bầu ngày 16/05/2012
Ông Ngô Thanh Hùng	Thành viên	Bầu ngày 16/05/2012

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN AN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	- Tel: (04)6 251 0008	- Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền nam	: C14, Quang Trung, phường 11	- Tel: (08)3 589 7462	- Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM	- Tel: (08)3 848 0763	- Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng	- Tel: (0511)3 651 818	- Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu	- Tel: (025)3 718 545	- Fax: (025)3 716 264

Số: 94.3 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam được lập ngày 05 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực và quy chế này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

- Số đầu năm và số Năm trước trên Báo cáo tài chính của Công ty được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán để đảm bảo tính trung thực và hợp lý của các số liệu nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về Số dư đầu năm và số liệu Năm trước trên Báo cáo tài chính cũng như ảnh hưởng của các số liệu này đến Báo cáo tài chính năm 2012.
- Do hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 và chúng tôi cũng không thể thực hiện kiểm kê tại thời điểm kiểm toán. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được đúng đắn của số lượng tiền, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31/12/2012, hầu hết công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu với các đối tượng nợ.
- Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là: 54.159.470.384 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng đáng tin cậy để ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của những hàng tồn kho này tại thời điểm mà Công ty đã trích lập. Vì vậy, chúng tôi không thể đưa ý kiến về tính đúng đắn của việc trích lập dự phòng như trên của Công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam tại ngày 31/12/2012, kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, các báo cáo được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Lưu ý người đọc, không phụ nhân ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý với người đọc Báo cáo rằng:

Thứ nhất: Hiện nay các Công ty con trong Tập đoàn hầu hết đang ngừng hoạt động nên các khoản phải thu nội bộ trị giá 143.480.429.441 đồng khó có khả năng thu hồi.

Thứ hai: Doanh thu của Công ty năm 2012 là 19.739.146.914 đồng chỉ bằng 2% doanh thu năm 2011. Mặt khác, tại ngày 31/12/2012, Tài sản ngắn hạn nhỏ hơn Nợ phải trả ngắn hạn là: 318.984.947.770 đồng, lỗ trong năm 2012 là: 256.138.593.594 đồng chưa kể đến ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2012 là 446.729.500.030 đồng. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có thể thu được trong tương lai và sự hỗ trợ tài chính của các cổ đông và các ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lên phương án thanh toán các khoản nợ như phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc bán một số dự án đã triển khai, đồng thời xin gia hạn các khoản vay đến hạn. Bên cạnh đó, các cổ đông chính của Công ty cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cần thiết để Công ty đủ khả năng duy trì hoạt động của mình.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
THĂNG LONG – T.D.K**



Tổng Giám đốc

TU QUỲNH HẠNH

Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN TIẾN THÀNH

Chứng chỉ KTV số: 1706 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		768.741.275.658	923.954.251.464
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		439.206.880	291.617.203
1. Tiền	111	V.01	439.206.880	291.617.203
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.400.000	2.160.400.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	160.400.000	2.160.400.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.419.264.241	354.908.618.744
1. Phải thu khách hàng	131		117.186.390.683	121.190.351.958
2. Trả trước cho người bán	132		47.746.845.592	54.927.338.602
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.03	143.480.429.441	177.824.392.009
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	648.700.412	18.383.003.835
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.643.101.887)	(17.416.467.660)
IV. Hàng tồn kho	140		501.473.799.363	566.108.662.622
1. Hàng tồn kho	141	V.05	555.633.269.747	566.108.662.622
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54.159.470.384)	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		248.605.174	484.952.895
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.625.015	264.378.414
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.081.052	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	185.899.107	220.574.481
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		469.318.326.382	518.449.177.675
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		50.525.328.070	75.033.918.215
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	5.467.397.030	6.505.558.532
- Nguyên giá	222		19.121.445.107	20.286.469.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.654.048.077)	(13.780.911.032)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	51.084.735	84.833.340
- Nguyên giá	228		152.450.000	152.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101.365.265)	(67.616.660)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	45.006.846.305	68.443.526.343
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		418.768.163.506	443.362.254.021
1. Đầu tư vào Công ty con	251	V.10	614.855.440.976	541.276.304.979
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(196.087.277.470)	(97.914.050.958)
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.834.806	53.005.439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	24.834.806	53.005.439
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.238.059.602.040	1.442.403.429.139

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.102.010.051.728	1.060.997.473.987
I. Nợ ngắn hạn	310		1.087.726.223.428	1.046.699.518.587
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	676.736.250.052	688.188.451.863
2. Phải trả người bán	312		2.484.333.398	5.535.128.265
3. Người mua trả tiền trước	313		152.569.447	128.583.839
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	5.217.018.399	5.122.736.241
5. Phải trả người lao động	315		175.763.316	207.586.184
6. Chi phí phải trả	316	V.14	160.893.190.616	86.525.497.650
7. Phải trả nội bộ	317	V.15	195.344.281.348	204.989.229.346
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	43.552.902.377	52.832.390.724
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.169.914.475	3.169.914.475
II. Nợ dài hạn	330		14.283.828.300	14.297.955.400
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	14.283.828.300	14.297.955.400
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.049.550.312	381.405.955.152
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	136.049.550.312	381.405.955.152
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		577.499.950.000	577.499.950.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	(10.781.433.612)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.639.550.171	2.639.550.171
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.639.550.171	2.639.550.171
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(446.729.500.030)	(190.591.661.578)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.238.059.602.040	1.442.403.429.139

Lập, ngày 05 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM THOA



Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN AN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.19	19.739.146.914	1.062.292.807.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	45.540.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.739.146.914	1.016.752.807.479
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	79.619.282.345	992.381.381.263
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(59.880.135.431)	24.371.426.216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	5.338.380.246	34.970.563.986
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	182.848.756.770	233.388.839.478
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		72.297.704.660	109.875.416.013
8. Chi phí bán hàng	24		178.775.454	1.299.949.302
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.322.896.307	24.654.731.088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(266.892.183.716)	(200.001.529.666)
11. Thu nhập khác	31	VI.23	21.438.851.457	929.471.740
12. Chi phí khác	32	VI.24	10.685.261.335	118.642
13. Lợi nhuận khác	40		10.753.590.122	929.353.098
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(256.138.593.594)	(199.072.176.568)
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		0	0
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(256.138.593.594)	(199.072.176.568)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(4.435)	(3.447)

Lập, ngày 05 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng



HÀ THỊ KIM THOA

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	55.337.374.116	698.580.031.626
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(27.275.984.954)	(571.810.107.309)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.656.935.088)	(2.918.261.984)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.173.371.799)	(33.657.696.468)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.090.915.817	166.479.873.148
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.906.831.095)	(78.998.744.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.415.166.997	177.675.094.173
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	0	(676.735.488)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22	321.000.000	0
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	(11.121.388.889)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	31.121.388.889
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	38.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	262.465.224	1.732.930.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.583.465.224	59.056.195.194
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	518.934.940.770
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.842.131.044)	(758.865.929.624)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.842.131.044)	(239.930.988.854)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	156.501.177	(3.199.699.487)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	291.617.203	3.500.681.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.911.500)	(9.365.015)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	439.206.880	291.617.203

Lập, ngày 05 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng



HÀ THỊ KIM THOA



NGUYỄN VĂN AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam ("Công ty"), chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hoà, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100367361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 30/08/2010. Theo đó:

Trụ sở chính: Số 352 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ: **550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng);**

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn An	23.887.500	41,36%
2	Ngô Thị Hạnh	305.375	0,53%
3	Nguyễn Đăng Ninh	36.750	0,06%
4	Cổ đông khác	33.520.370	58,05%

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Thương mại, xây dựng, trồng trọt, dịch vụ và tư vấn.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 30/08/2010, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến nông sản; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; Kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Vận tải hàng hoá bằng ô tô;
- Đầu tư, kinh doanh khu công nghiệp, trung tâm thương mại; Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng; Sản xuất, mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, thiết bị văn phòng;
- Trồng cây cà phê, cây lâu năm, trồng rừng;
- Đào tạo, dạy nghề: trồng trọt, lâm sinh, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, cơ khí nông nghiệp, lái xe, quản lý trang trại, ngoại ngữ, tin học văn phòng, sửa chữa ô tô, xe máy, may thêu;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ du lịch khác;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn lập dự án đến nhóm B; Tư vấn lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng, tư vấn về đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng giao thông; Thẩm định dự án đầu tư;
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra thiết kế thi công và tổng dự toán đối với các công trình dân

dụng và công nghiệp; Xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và các yếu tố khác liên quan để lập phương án gia cố sửa chữa;

- Nhận thầu thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình bu điện, thông tin liên lạc, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư, thi công san lấp mặt bằng, xử lý nền, móng công trình; Quản lý dự án;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, máy xây dựng công trình;
- Chế biến lâm sản, mộc, gỗ; Trồng cây cao su; lập dự án đầu tư trong nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông, lâm sản;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng phương tiện ô tô;
- Thiết kế hệ thống điện công trình, công nghiệp, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35kv; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đại gia súc;
- Sản xuất phân bón các loại, phân vi sinh, NPK, chế phẩm từ chất thải nông, công nghiệp;
- Kinh doanh nước sạch và dịch vụ xử lý môi trường; Bán buôn rượu bia (không bao gồm kinh doanh quán bar); Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

STT	Tên	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Cà phê An Giang	52%
2	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Lâm Đồng	100%
3	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Quảng Trị	100%
4	Công ty TNHH MTV cao su Thái Hòa Lào	100%
5	Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	100%
6	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Sơn La	100%
7	Công ty TNHH MTV Thái Ninh	100%
8	Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Hòa Bình	100%
9	Công ty Cổ phần Thái Hòa Hồ Chí Minh	68%
10	Công ty Cổ phần Thái Hoà Buôn Ma Thuột	100%
11	Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hoà Lào	100%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn quy định cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa có cơ sở để đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với mục tiêu quản lý rủi ro tài chính, bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro do tình hình thực tế tại Việt Nam chưa hình thành thị trường cho các giao dịch liên quan để xác định một cách tin cậy các rủi ro này.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn

kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trong năm là: 54.159.470.384 đồng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Số dự phòng phải thu khó đòi trích lập bổ sung trong năm là : 25.226.634.227 đồng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau::

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

5.2 Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	-	Vốn chủ sở hữu thực có	x	$\frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$
--	---	---	---	------------------------	---	--

Số dự phòng đầu tư tài chính trích lập bổ sung trong năm là: 98.173.226.512 đồng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay trong kỳ là 4,56%.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các khoản chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Hạch toán vào chi phí phải trả năm nay là lãi vay phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

11.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
01. Tiền		
- Tiền mặt	157.108.006	163.376.545
- Tiền gửi ngân hàng (VND)	249.561.171	67.047.107
- Tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ)	32.537.703	61.193.551
Cộng	439.206.880	291.617.203
02. Đầu tư ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	0	2.000.000.000
- Công ty Cà phê Thái Hoà Mường Ảng	160.400.000	160.400.000
Cộng	160.400.000	2.160.400.000
(*) Khoản tiền gửi để đảm bảo các khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng		
03. Phải thu nội bộ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Dự án Thái Hoà Lào	566.409.754	566.409.754
- Xưởng Liên Ninh	64.977.785	3.684.062
- Công ty CP Cà phê Thái Hoà Hoà bình	10.002.210.718	10.002.210.718
- Dự án Cao Su tại Lào	57.142.002.452	52.042.002.452
- Dự án Cà phê tại Lào (Sê Pôn)	1.265.679.974	1.265.679.974
- Công ty Thái Hoà	379.763	379.763
- Công ty CP Cà phê Thái Hoà Hoà bình	1.519.573.033	1.142.857.143
- Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hoà Quảng Trị	12.433.438.182	15.757.301.891
- Công ty CP cà phê Thái Hoà Lâm Đồng	42.339.349.486	42.337.275.486
- Công ty TNHH 1TV Thái Hoà Nghệ An	18.144.508.294	18.056.384.394
- Công ty Thái Hoà Lào	0	23.796.604.402
- Công ty CP Cà phê Thái Hoà Mường Ảng	0	1.853.434.627
- Công ty TNHH 1TV Thái Ninh	0	374.964.955
- Công ty CP Thái Hoà Buôn Ma Thuột	0	10.047.797.388
- Dự án Cà phê tại Lào (Sê Pôn)	1.900.000	1.900.000
- CN Công ty CP Cà phê TH Mường ảng tại Tuần Giáo	0	575.505.000
Cộng	143.480.429.441	177.824.392.009
04. Các khoản phải thu khác	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Thái Hoà	0	17.810.190.765
- Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Sơn La	491.283.375	0
- Phải các đối tượng khác	157.417.037	572.813.070
Cộng	648.700.412	18.383.003.835
05. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	5.829.693.402	5.946.982.388
- Công cụ, dụng cụ	25.480.000	25.480.000
- Thành phẩm	282.531.039.699	282.626.569.389
- Hàng hoá	252.585.066.646	262.847.640.845
- Hàng gửi đi bán	14.661.990.000	14.661.990.000
Cộng	555.633.269.747	566.108.662.622
06. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Tạm ứng của cán bộ nhân viên	153.255.293	187.930.667
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.643.814	32.643.814
Cộng	185.899.107	220.574.481

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	5.935.161.804	9.335.593.674	3.999.085.395	1.016.628.691	20.286.469.564
- Mua trong năm	20.322.100.000	0	354.390.273	0	20.676.490.273
- Thanh lý, nhượng bán	(20.322.100.000)	0	(1.519.414.730)	0	(21.841.514.730)
Số dư cuối năm	5.935.161.804	9.335.593.674	2.834.060.938	1.016.628.691	19.121.445.107
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.312.986.847	7.746.219.561	3.143.095.956	578.608.668	13.780.911.032
- Khấu hao trong năm	361.385.948	257.113.573	131.004.619	179.271.009	928.775.149
- Giảm khác	0	0	(1.055.638.104)	0	(1.055.638.104)
Số dư cuối năm	2.674.372.795	8.003.333.134	2.218.462.471	757.879.677	13.654.048.077
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu năm	3.622.174.957	1.589.374.113	855.989.439	438.020.023	6.505.558.532
- Tại ngày cuối năm	3.260.789.009	1.332.260.540	615.598.467	258.749.014	5.467.397.030

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

*Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012***8. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Đơn vị tính:

VND

Khoản mục	Biểu tượng công ty	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	60.000.000	92.450.000	152.450.000
Số dư cuối năm	60.000.000	92.450.000	152.450.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	30.000.000	37.616.660	67.616.660
- Khấu hao trong năm	6.000.000	27.748.605	33.748.605
Số dư cuối năm	36.000.000	65.365.265	101.365.265
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	30.000.000	54.833.340	84.833.340
- Tại ngày cuối năm	24.000.000	27.084.735	51.084.735

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
- Văn phòng Giáp Bát	226.291.668	226.291.668
- Dự án Nhà máy Ban Mê Thuật giai đoạn 2	43.622.200.498	41.446.846.503
- Dự án tại Sơn La	83.845.000	9.440.094.765
- Dự án trồng cà phê tại Sepond Lào	450.283.026	450.283.026
- Dự án trồng cà phê tại Hòa Bình	31.838.096	41.720.776
- Dự án Thái Hoà Lào	482.630.328	0
- Nhà máy chế biến Cà phê Lâm Đồng	99.875.009	0
- Dự án trồng cao su tại Lào	0	16.838.289.605
- Các dự án khác	9.882.680	0
Cộng	45.006.846.305	68.443.526.343

10. Đầu tư vào Công ty con

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Lâm Đồng	204.000.000.000	204.000.000.000
- Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Quảng Trị	86.040.459.130	91.040.459.130
- Công ty Cổ phần Cà phê An Giang	78.352.500.000	78.352.500.000
- Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	5.167.462.515	5.167.462.515
- Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Sơn La	31.660.445.403	9.677.667.264
- Công ty CP Cà Phê Thái Hòa Hòa Bình	7.799.737.256	7.799.737.256
- Công ty Cổ phần Thái Hòa Hồ Chí Minh	8.148.342.112	8.502.732.385
- Công ty Cổ phần Thái Hoà Buôn Ma Thuật	10.047.797.388	0
- Công ty Cổ phần Thái Hòa Mường Ảng	0	0
- Công ty TNHH MTV Thái Ninh	5.641.099.000	5.641.099.000
- Công ty TNHH MTV cao su Thái Hòa Lào	26.162.699.077	6.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Cà phê Thái Hoà Lào	151.834.899.095	125.094.647.429

Cộng	<u>614.855.440.976</u>	<u>541.276.304.979</u>
11. Chi phí trả trước dài hạn	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	24.834.806	53.005.439
Cộng	<u>24.834.806</u>	<u>53.005.439</u>
12. Vay và nợ ngắn hạn	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Vay ngắn hạn (VND)	309.024.323.607	312.521.444.184
+ Công ty CP DRAGON Việt Nam	34.000.000.000	34.000.000.000
+ Maritime Bank - PGD Hồ Gươm	31.917.800.000	31.917.800.000
+ VIB - CN Thanh Xuân	19.211.213.176	20.111.213.176
+ HabuBank - CN Hàm Long	3.428.672.431	7.600.000.000
+ BIDV- Sở GD 1	108.200.000.000	106.625.793.008
+ Agribank - CN Nam Hà Nội	112.266.638.000	112.266.638.000
- Vay ngắn hạn (USD)	350.956.526.445	358.911.607.679
+ Maritime Bank - PGD Hồ Gươm	29.899.721.945	30.731.060.079
+ VietcomBank - CN Hà Nội	191.643.705.000	194.012.820.000
+ HabuBank - CN Hàm Long	129.413.099.500	134.167.727.600
- Vay dài hạn đến hạn trả	16.755.400.000	16.755.400.000
+ VietcomBank - CN Hà Nội	16.755.400.000	16.755.400.000
Cộng	<u>676.736.250.052</u>	<u>688.188.451.863</u>
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Thuế giá trị gia tăng	479.332.836	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.737.685.563	5.122.736.241
Cộng	<u>5.217.018.399</u>	<u>5.122.736.241</u>
14. Chi phí phải trả	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Lãi vay phải trả	160.893.190.616	86.525.497.650
Cộng	<u>160.893.190.616</u>	<u>86.525.497.650</u>
15. Phải trả nội bộ	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
- Công ty CP TM Cà phê Thái Hoà	775.692.762	3.246.590.489
- Công ty CP Cà phê An Giang	171.088.798.293	174.319.218.293
- Công ty Thái Hoà Lào	2.791.996.354	0
- Công ty CP Xây dựng Thái Hoà	4.132.055.000	0
- Công ty CP Cà phê Thái Hoà Sơn La	16.230.461.102	27.423.420.564
- Công ty TNHH 1TV Thái Ninh	325.277.837	0
Cộng	<u>195.344.281.348</u>	<u>204.989.229.346</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	316.541.155	104.103.236
- Phải trả, phải nộp khác	43.236.361.222	52.728.287.488
+ Công ty CP Xây dựng Thái Hoà	799.378.250	0
+ Ngô Thị Hạnh	42.016.858.878	42.016.858.878
+ Các đối tượng khác	420.124.094	10.711.428.610
Cộng	43.552.902.377	52.832.390.724
17. Vay và nợ dài hạn		
- Vay dài hạn	14.283.828.300	14.297.955.400
+ Vietcombank - CN Hà Nội	14.283.828.300	14.297.955.400
Cộng	14.283.828.300	14.297.955.400

18. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	550.000.000.000	929.600.000	929.600.000	1.225.388.174	41.110.938.960	594.195.527.134
- Tăng vốn trong năm trước	27.499.950.000	0	0	0	0	27.499.950.000
- Tăng khác	0	1.709.950.171	1.709.950.171	0	0	3.419.900.342
- Lỗi trong năm trước	0	0	0	0	(199.072.176.568)	(199.072.176.568)
- Giảm khác	0	0		(12.006.821.786)	(32.630.423.970)	(44.637.245.756)
Số dư đầu năm nay	577.499.950.000	2.639.550.171	2.639.550.171	(10.781.433.612)	(190.591.661.578)	381.405.955.152
- Tăng khác	0	0	0	10.790.345.112	755.142	10.791.100.254
- Lỗi trong năm nay	0	0	0	0	(256.138.593.594)	(256.138.593.594)
- Giảm khác	0	0	0	(8.911.500)	0	(8.911.500)
Số dư cuối năm nay	577.499.950.000	2.639.550.171	2.639.550.171	0	(446.729.500.031)	136.049.550.311

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối kỳ VNĐ	Đầu kỳ VNĐ
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	577.499.950.000	577.499.950.000
Cộng	577.499.950.000	577.499.950.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Cuối kỳ VNĐ	Đầu kỳ VNĐ
Vốn góp đầu năm	577.499.950.000	550.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	0	27.499.950.000
Vốn góp giảm trong năm (*)	0	0
Vốn góp Cuối kỳ	577.499.950.000	577.499.950.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	19.739.146.914	1.062.292.807.479
Cộng	19.739.146.914	1.062.292.807.479
20. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	25.459.811.961	992.381.381.263
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	54.159.470.384	0
Cộng	79.619.282.345	992.381.381.263
21. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi	259.535.123	1.994.962.182
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	1.217.343.897
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.078.845.123	0
- Lãi chuyển nhượng vốn góp	0	31.758.257.907
Cộng	5.338.380.246	34.970.563.986
22. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	72.297.704.660	109.875.416.013
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	25.371.165.507
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	10.790.345.112	228.207.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	98.173.226.512	97.914.050.958
- Các khoản khác	1.587.480.486	0
Cộng	182.848.756.770	233.388.839.478

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

*Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
23. Thu nhập khác		
- Thu từ thanh lý TSCĐ	20.223.150.182	0
- Thu từ cho thuê kho	709.440.462	0
- Các khoản khác	506.260.813	929.471.740
Cộng	21.438.851.457	929.471.740
24. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý TSCĐ	10.319.109.098	0
- Các khoản khác	366.152.237	118.642
Cộng	10.685.261.335	118.642

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu			
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Hòa Bình	ĐV thành viên	-	353.018.000
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	ĐV thành viên	-	96.474.051.002
Công ty CP CP Thái Hòa Lâm Đồng	ĐV thành viên	-	498.869.410.480
Công ty CP CP An Giang	ĐV thành viên	-	67.200.260.000
Công ty TNHH 01TV Thái Hòa Nghệ An	ĐV thành viên	-	30.946.699.000
Công ty CP CP Thái Hòa Sơn La	ĐV thành viên	-	20.052.900.000
Công ty CP CP Thái Hòa Mường Ảng	ĐV thành viên	-	1.543.380.000
Công ty TNHH 01TV Thái Ninh	ĐV thành viên	43.271.950	28.936.282
Công ty CP CP Thái Hòa Buôn Ma thuật	ĐV thành viên	-	113.854.355.400
CN Cty CP CP Thái Hòa Mường Ảng tại Tuần giáo	ĐV thành viên	-	548.100.000
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	ĐV thành viên	-	-
Mua hàng			
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	ĐV thành viên	161.400.000	143.007.432.350
Công ty CP CP Thái Hòa Lâm đồng	ĐV thành viên	-	465.620.253.600
Công ty CP CP An Giang	ĐV thành viên	-	28.182.000.000
Công ty TNHH 01TV Thái Hòa Nghệ An	ĐV thành viên	-	32.271.600.000
Công ty CP CP Thái Hòa Sơn La	ĐV thành viên	-	32.663.400.000
Công ty CP CP Thái Hòa Mường Ảng	ĐV thành viên	-	23.524.567.479
Công ty CP CP Thái Hòa Buôn Ma thuật	ĐV thành viên	-	106.381.170.000
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	ĐV thành viên	-	-
Số dư với các bên liên quan	Mối quan hệ	Tại 31/12/2012	Tại 31/12/2011
Các khoản phải thu			
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	ĐV thành viên	12.433.438.182	15.757.301.891
Công ty CP CP Thái Hòa Lâm đồng	ĐV thành viên	322.490.608	320.416.608
Công ty TNHH 01TV Thái Hòa Nghệ An	ĐV thành viên	18.144.508.294	18.056.384.394
Công ty CP CP Thái Hòa Mường Ảng	ĐV thành viên	-	1.853.434.627

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HOÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

Công ty CP CP Thái Hòa Buôn Ma Thuột	ĐV thành viên	-	10.047.797.388
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Hòa Bình	ĐV thành viên	11.521.783.751	11.145.067.861
Công ty TNHH cà phê Thái Hòa Lào	ĐV thành viên	-	23.796.604.402
Công ty TNHH MTV Cao su Thái Hoà Lào	ĐV thành viên	57.142.002.452	54.455.561.005
Công ty TNHH MTV Thái Ninh	ĐV thành viên	-	374.964.955
Công ty CP Xây Dựng Thái Hòa	ĐV thành viên	-	17.810.190.760
Các khoản phải trả			
Công ty CP CP An Giang	ĐV thành viên	-	174.319.218.293
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	ĐV thành viên	775.692.762	3.246.590.489
Công ty CP CP Thái Hòa Sơn La	ĐV thành viên	16.230.461.102	27.423.420.564
Công ty CP CP An Giang	ĐV thành viên	171.088.798.293	-
Công ty TNHH cà phê Thái Hòa Lào	ĐV thành viên	6.924.051.358	-
Công ty TNHH MTV Thái Ninh	ĐV thành viên	325.277.837	-

2. Công cụ tài chính**2.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.2 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	439.206.880	439.206.880
- Các khoản phải thu khách hàng	117.186.390.683	117.186.390.683
- Trả trước cho người bán	47.746.845.592	47.746.845.592
- Phải thu khác	648.700.412	648.700.412

2.3 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Số dư ngày 31/12/2012

- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	691.020.078.352
- Phải trả người bán	2.484.333.398
- Người mua trả tiền trước	152.569.447
- Chi phí phải trả	160.893.190.616
- Phải trả khác	43.552.902.377

2.4 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của các nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách thực hiện mua hàng với số lượng lớn và chuyển sang tự sản xuất đồng thời linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	2.484.333.398		2.484.333.398
- Người mua trả trước	152.569.447		152.569.447
- Phải trả khác	43.552.902.377		43.552.902.377
- Vay	676.736.250.052	14.283.828.300	691.020.078.352
- Chi phí phải trả	160.893.190.616		160.893.190.616

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính quốc tế kiểm toán và đã được điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu: “Phải thu nội bộ ngắn hạn” (Mã số 133) tăng 42.016.858.878 đồng, đối tượng là Công ty Cổ phần Cà Phê Thái Hoà Lâm Đồng; “Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” (Mã số 319) tăng 42.016.858.878 đồng, đối tượng là Bà Ngô Thị Hạnh.

4. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hoà Việt Nam khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

5. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu		ĐVT	Năm 2012	Năm 2011
I.	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
<i>1</i>	<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
1.1	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Σtài sản	%	37,91	35,94
1.2	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Σtài sản	%	62,09	64,06
<i>2</i>	<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
2.1	Nợ phải trả/Σnguồn vốn	%	89,01	73,56
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Σnguồn vốn	%	10,99	26,44
II	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán hiện hành (Σtiền và tương đương tiền/ΣNợ ngắn hạn)	lần	0,0004	0,0003
2	Khả năng thanh toán công nợ ngắn hạn (ΣTS ngắn hạn/ΣNợ ngắn hạn)	lần	0,71	0,88
3	Khả năng thanh toán nhanh Σ(Tiền+Đầu tư ngắn hạn)/ΣNợ ngắn hạn	lần	0,0006	0,00234
III	Tỷ suất lợi nhuận			
<i>1</i>	<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
1.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	-1297,62	-19,58
1.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1297,62	-19,58
<i>2</i>	<i>Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản</i>			
2.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Σtài sản	%	-20,69	-13,80
2.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Σtài sản	%	-20,69	-13,80
3	Tỷ suất lợi nhuận/nguồn vốn chủ sở hữu	%	-188,27	-52,19

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng

HÀ THỊ KIM THOA

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN AN